

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST

Ngày 16/01/2023

“Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Quảng

C Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Công Chự

2. Ông Nguyễn Ngọc Bình

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Quang Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 275/2022/TLST-HNGĐ ngày 26/10/2022 về việc “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 275/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ý N, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 1, ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.

Bị đơn: Anh Nguyễn Châu Đại C, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn H, thị trấn P. huyện P, Gia Lai.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nguyên đơn là chị Trần Thị Ý N trình bày:

Về hôn nhân: Chị N và anh C sau thời gian tìm hiểu tự nguyện và đi đến hôn có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện M, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu vào

ngày 13/02/2019. Lúc đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, tuy Nền đến đầu năm 2020 vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, bắt đầu quan điểm, thường xuyên cãi vã. Từ tháng 10/2021, vợ chồng chị N, anh C đã sống ly thân với nhau. Nay chị N nhận thấy tính cảm vợ chồng không còn, chị N đề nghị được ly hôn với anh C.

Về con chung: Có 01 con chung là Nguyễn My N1, sinh ngày 06/7/2020, hiện đang do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung.

Về cấp dưỡng: Chị N không yêu cầu anh C cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết..

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ C văn bản tố tụng để triệu tập bị đơn anh Nguyễn Châu Đại C đến làm việc, nhưng anh C không có mặt theo nội dung triệu tập của Tòa án. Anh C cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về C yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên toà, nguyên đơn là chị Trần Thị Ý N vắng mặt. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn với Nguyễn Châu Đại C, yêu cầu nuôi con chung là cháu Nguyễn My N1, sinh ngày 06/7/2020, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

Tại phiên toà, bị đơn là anh Nguyễn Châu Đại C đã được triệu tập hợp lệ lần 2 vắng mặt.:

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành đúng.

- Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm về tố tụng: Không.

- Về nội dung đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; C điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị Ý N đối với anh Nguyễn Châu Đại C.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn My N1, sinh ngày 06/7/2020 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng

+ Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn.

C tài liệu, chứng cứ trong vụ án gồm có:

Bản sao y số hộ khẩu; Bản sao y chứng minh nhân dân Trần Thị Ý N; Bản sao Giấy khai sinh Nguyễn My N1; Trích lục kết hôn; Đơn từ chối hòa giải đối thoại tại tòa án; Bản tự khai của nguyên đơn; Biên bản xác minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu C chứng cứ, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Ý N yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn với anh Nguyễn Châu Đại C. Đơn khởi kiện của chị Trần Thị Ý N phù hợp quy định tại Điều 189 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Châu Đại C hiện cư trú tại thôn Thôn H, thị trấn P, huyện P, tỉnh Gia Lai, nên Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Gia Lai thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chị Trần Thị Ý N và bị đơn anh Nguyễn Châu Đại C đã được Toà án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị N đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần hai do vậy toà án nhân dân huyện P xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn

Chị Trần Thị Ý N và anh Nguyễn Châu Đại C có đăng ký kết hôn vào vào ngày 10/12/2015 tại UBND xã Hòa Hiệp, huyện Xuyên Mộc, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu vào ngày 13/02/2019, anh C và chị N kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh C và chị N chung sống hạnh phúc một thời gian thì anh C và chị N phát sinh mâu thuẫn. Từ tháng 10/2021 anh C và chị N đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án thì Tòa án đã Nêu lần tiến hành thủ tục tổng đạt C vẫn bản tố tụng cho bị đơn đề hòa giải cho C đương sự về đoàn tụ, xây dựng gia đình hạnh phúc. Tuy Nên, anh C đã không đến Tòa án để tiến hành hòa giải. Xét thấy tình trạng hôn nhân của anh C và chị N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N.

[3] Về con chung: Anh C và chị N có 01 (một) con chung là Nguyễn My Na, sinh ngày 06/7/2020. Chị N yêu cầu được nuôi con chung cháu Na. Xét cha mẹ có nghĩa vụ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc con chưa thành niên. Xét yêu cầu của chị N, thấy rằng cháu Nguyễn My N1 hiện đang do chị N trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, việc giao N1 cho chị N tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo sự phát triển bình thường của con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của nguyên đơn. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét về cấp dưỡng.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: C đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc chia tài sản chung và nghĩa vụ thanh toán chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn

Vì C lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 195; Điều 220; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ C Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ý N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Ý N được ly hôn với anh Nguyễn Châu Đại C.

2. Về con chung:

Giao con chung là cháu Nguyễn My N1, sinh ngày 06/7/2020 cho chị Trần Thị Ý N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

Buộc chị Trần Thị Ý N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí toà án số 0004708 ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Gia Lai. Chị Trần Thị Ý N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Anh Nguyễn Châu Đại C và chị Trần Thị Ý N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Văn Quảng